TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ TÂN** **TỈNH CÀ MAU** Bản án số: 241/2023/HNGĐ-ST Ngày: 29 – 11 – 2023 V/v "Tranh chấp xin ly hôn"	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Như.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đào Việt Khái.

Ông Trần Văn Giang.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Châu Sơn Ca là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 29 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 303/2023/TLST–HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2023 về: "Tranh chấp xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 563/2023/QĐXXST–HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Nguyễn Hoàng S, sinh năm 1999 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp R, xã R, huyện P, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn*: Bà Trần Mỹ L, sinh năm 2002 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp C, xã T, huyện P, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai đề ngày 17/8/2023 nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng S trình bày:

Về hôn nhân: Ông và bà Trần Mỹ L có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã R, huyện P, tỉnh C. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, thời gian sau vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cải và đã ly thân từ tháng 4/2023 đến nay. Xét thấy, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên ông yêu cầu được ly hôn với bà Trần Mỹ L.

Về nuôi con chung: Không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do hoàn cảnh gia đình nên yêu cầu giải quyết vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 20/11/2023 bị đơn bà Trần Mỹ L trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông S chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND xã R, huyện P, tỉnh C vào năm 2020. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng thời gian sau phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hòa hợp, không dung hòa được cuộc sống với mẹ chồng. Hiện vợ chồng đã không còn chung sống với nhau. Nay ông S yêu cầu ly hôn bà đồng ý.

Về con chung: Không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện nay do điều kiện công việc đi làm ăn xa. Vì vậy, bà yêu cầu vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa: Ông S và bà L có đơn xin xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ông Nguyễn Hoàng S khởi kiện xin ly hôn với bà Trần Mỹ L là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bà Trần Mỹ L, cư trú tại ấp C, xã T, huyện P, tỉnh C nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh C theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Ông Nguyễn Hoàng S và bà Trần Mỹ L có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông S và bà L.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Ông Nguyễn Hoàng S và bà Trần Mỹ L tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 58/2020 ngày 13/8/2020 tại Ủy ban nhân dân xã R, huyện P, tỉnh C nên hôn nhân giữa ông S và bà L là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận. Ông S nhận thấy cuộc sống hôn nhân phát sinh nhiều mâu thuẫn do tính tình không hòa hợp, chung sống không hạnh phúc nên ông yêu cầu được ly hôn. Bà L, xác định do tính tình không hòa hợp, không dung hòa được cuộc sống với mẹ chồng nên đồng ý ly hôn với ông S. Xét

thấy, mâu thuẫn của ông S và bà L đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông S, ông S được ly hôn với bà L.

[2.2] Về nuôi con chung: Không có con chung.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm ông S phải chịu theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn Hoàng S đối với bà Trần Mỹ L. Ông Nguyễn Hoàng S được ly hôn với bà Trần Mỹ L.

Về nuôi con chung: Không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm ông Nguyễn Hoàng S phải chịu 300.000 đồng. Ông Nguyễn Hoàng S đã dự nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0019190 ngày 05 tháng 10 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh C được chuyển thu.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Chi cục THADS huyện Phú Tân;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- UBND xã Rạch Chèo, huyện Phú Tân;
(Giấy CNKH số 58 ngày 13/8/2020)
- Lưu hồ sơ, văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thị Như